

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 Năm học 2024 - 2025
Môn thi: Chuẩn đầu ra tiếng Anh C1

MMH:(ENGL4099) Ngày thi: 16/03/2025

STT	MSSV	Họ và tên	Nghe			Đọc			Ngữ pháp			TỔNG ĐIỂM	NĂNG LỰC	Ghi chú
			Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm			
1	2057010001	Bùi Thị Khánh An	800	30	49	314	29	50	290	23	49	493	Không đạt	
2	2157010004	Lê Nguyễn Bình An	800	24	46	314	19	42	290	25	51	463	Không đạt	
3	1857010002	Lê Quốc An	579	33	51	811	31	52	707	28	54	523	Không đạt	
4	2451012001	Nguyễn Bình An	579	27	48	811	40	58	707	32	58	547	Đạt	
5	2057010003	Nguyễn Hà Thanh An	579	26	47	811	23	46	707	16	43	453	Không đạt	CTr. CL cao
6	2057012004	Nguyễn Mỹ An	800	36	52	314	22	45	290	26	52	497	Không đạt	CTr. CL cao
7	2357010007	Trần Thiên An												Vắng thi
8	2257010003	Nguyễn Trương Minh Ấn	800	41	56	314	41	58	290	31	57	570	Đạt	CTr. CL cao
9	1957012008	Đào Thị Hoàng Anh	800	35	52	314	40	58	290	27	53	543	Đạt	
10	2057010015	Huỳnh Thị Kim Anh	800	18	43	314	19	42	290	23	49	447	Không đạt	
11	2157010019	Lê Nguyễn Mai Anh	579	35	52	811	36	55	707	24	50	523	Không đạt	CTr. CL cao
12	2257010006	Ngô Lê Phương Anh	579	35	52	811	28	50	707	29	55	523	Không đạt	CTr. CL cao
13	2257010007	Ngô Thị Hải Anh	579	32	50	811	22	45	707	27	53	493	Không đạt	
14	2157010026	Nguyễn Huỳnh Minh Anh	579	18	43	811	17	40	707	30	56	463	Không đạt	
15	2057012013	Nguyễn Minh Anh	579	30	49	811	25	48	707	21	48	483	Không đạt	CTr. CL cao
16	1857010012	Nguyễn Ngọc Hoàng Anh												Vắng thi
17	2157013002	Nguyễn Ngọc Minh Anh	579	47	62	811	40	58	707	38	65	617	Đạt	CTr. CL cao
18	2057010045	Phạm Thị Kiều Anh	800	33	51	314	35	54	290	28	54	530	Không đạt	
19	2057010056	Trần Lê Quỳnh Anh												Vắng thi

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe			Đọc			Ngữ pháp			TỔNG ĐIỂM	NĂNG LỰC	Ghi chú
				Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm			
20	2257012012	Trần Ngọc Trâm	Anh												Vắng thi
21	1757010016	Trần Quốc	Anh	579	33	51	811	26	48	707	25	51	500	Không đạt	
22	2057012018	Kiều Kim	Ảnh	800	31	50	314	19	42	290	23	49	470	Không đạt	CTr. CL cao
23	1857010033	Nguyễn Hoài	Ân	579	26	47	811	26	48	707	28	54	497	Không đạt	
24	2057010073	Nguyễn Lê Thanh	Ân	800	26	47	314	19	42	290	34	60	497	Không đạt	CTr. CL cao
25	2057012021	Trần Gia	Bảo	579	30	49	811	35	54	707	29	55	527	Không đạt	CTr. CL cao
26	2257010010	Võ Thị Hồng	Cẩm	800	19	44	314	26	48	290	26	52	480	Không đạt	
27	2157010088	Trần Xuân	Công	579	38	54	811	37	56	707	27	53	543	Không đạt	CTr. CL cao
28	2157010076	Đoàn Ngọc Minh	Châu	800	40	55	314	33	53	290	31	57	550	Đạt	CTr. CL cao
29	2054022011	Mai Nguyễn Trần	Châu	800	27	48	314	21	44	290	27	53	483	Không đạt	CTr. CL cao
30	2257010013	Huỳnh Thị Kim	Chi	800	39	54	314	17	40	290	27	53	490	Không đạt	CTr. CL cao
31	2157013009	Lê Lưu	Dân												Vắng thi
32	2157010098	Ngô Tùng	Diệp	800	18	43	314	16	38	290	16	43	413	Không đạt	CTr. CL cao
33	2157010099	Nguyễn Thị Ngọc	Diệu	800	10	33	314	13	33	290	12	38	347	Không đạt	
34	2157010103	Bùi Ngọc Phương	Dung	579	37	53	811	42	59	707	35	61	577	Đạt	
35	2157013011	Lê Thị Kim	Dung	800	17	42	314	29	50	290	23	49	470	Không đạt	
36	2157010115	Lê Trần Khánh	Duy	800	20	44	314	12	31	290	17	44	397	Không đạt	
37	2157013013	Nguyễn Phương	Duy	579	28	48	811	24	47	707	26	52	490	Không đạt	CTr. CL cao
38	2057010124	Phạm Đức	Duy												Vắng thi
39	1657010068	Vũ Quốc	Duy	579	32	50	811	41	58	707	32	58	553	Đạt	CTr. CL cao
40	2157010121	Bùi Thị Thúy	Duyên	579	36	52	811	34	54	707	25	51	523	Không đạt	
41	2157013014	Huỳnh Nguyễn Trúc	Duyên	800	34	51	314	31	52	290	27	53	520	Không đạt	CTr. CL cao
42	2257010024	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	800	18	43	314	17	40	290	19	46	430	Không đạt	
43	2257010021	Lê Thùy	Dương	579	24	46	811	36	55	707	32	58	530	Không đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe			Đọc			Ngữ pháp			TỔNG ĐIỂM	NĂNG LỰC	Ghi chú
				Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm			
44	2157010135	Nguyễn Thị Hồng	Đào												Vắng thi
45	2257010015	Nguyễn Thị Kim	Đào	579	31	50	811	33	53	707	36	63	553	Đạt	
46	2157010141	Nguyễn Thành	Đạt	579	28	48	811	24	47	707	29	55	500	Không đạt	
47	2157010145	Đường Minh Hải	Đăng	800	23	46	314	28	50	290	32	58	513	Không đạt	
48	2057010147	Võ Nguyễn Mạnh	Đình												Vắng thi
49	2257010019	Trương Phan Hoài	Đức	800	22	45	314	23	46	290	26	52	477	Không đạt	
50	2057012041	Văn Hiền	Đức	800	38	54	314	37	56	290	34	60	567	Đạt	
51	2157010158	Lương Nguyễn Quỳnh	Giao	579	31	50	811	26	48	707	33	59	523	Không đạt	CTr. CL cao
52	2057012043	Huỳnh Thị Thu	Hà												Vắng thi
53	1957010060	Nguyễn Lê Nhật	Hà	800	20	44	314	26	48	290	18	45	457	Không đạt	CTr. CL cao
54	2257010026	Lê Hoàng Tuấn	Hải	579	18	43	811	21	44	707	28	54	470	Không đạt	
55	2157010171	Lê Trung	Hải	800	35	52	314	31	52	290	26	52	520	Không đạt	CTr. CL cao
56	2057010186	Nguyễn Thị Diễm	Hăng	579	34	51	811	35	54	707	20	47	507	Không đạt	CTr. CL cao
57	2257010033	Nguyễn Thị Ái	Hậu	800	13	38	314	17	40	290	12	38	387	Không đạt	CTr. CL cao
58	2257010034	Trần Văn	Hậu	800	17	42	314	14	35	290	17	44	403	Không đạt	
59	2057010212	Trương Ngọc	Hậu	800	39	54	314	37	56	290	31	57	557	Đạt	CTr. CL cao
60	2157010195	Đặng Trần Bảo	Hân	579	41	56	811	34	54	707	31	57	557	Đạt	CTr. CL cao
61	2157010197	Giang Thị Ngọc	Hân	579	34	51	811	38	56	707	27	53	533	Không đạt	
62	2257010027	Hà Thúy	Hân	579	20	44	811	20	43	707	20	47	447	Không đạt	CTr. CL cao
63	1857010090	Hứa Bảo Hân	Hân	800	42	56	314	39	57	290	22	49	540	Đạt	
64	2157010198	Huỳnh Ngọc	Hân	800	36	52	314	31	52	290	29	55	530	Không đạt	CTr. CL cao
65	2157010201	Lê Ngọc Gia	Hân	800	35	52	314	24	47	290	28	54	510	Không đạt	
66	2157013021	Ngô Thị Nhã	Hân	579	36	52	811	20	43	707	33	59	513	Không đạt	CTr. CL cao
67	2257010028	Nguyễn Giai	Hân	800	40	55	314	33	53	290	35	61	563	Đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe			Đọc			Ngữ pháp			TỔNG ĐIỂM	NĂNG LỰC	Ghi chú
				Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm			
68	2257010029	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Hân	579	37	53	811	34	54	707	32	58	550	Đạt	
69	1957010070	Trần Gia	Hân	579	38	54	811	41	58	707	18	45	523	Không đạt	CTr. CL cao
70	2157010226	Nguyễn Thị Thu	Hiên												Vắng thi
71	2057010221	Trần Thu	Hiên	579	36	52	811	27	49	707	24	50	503	Không đạt	
72	2057010226	Trần Trung	Hiếu	579	37	53	811	30	51	707	27	53	523	Không đạt	CTr. CL cao
73	2157013027	Nguyễn Thị Mỹ	Hoa	579	30	49	811	36	55	707	33	59	543	Đạt	
74	1957010091	Lê Nguyễn Hiên	Hòa	579	15	40	811	16	38	707	17	44	407	Không đạt	CTr. CL cao
75	1957010086	Nguyễn Thị Vân	Hòa	800	11	33	314	16	38	290	10	34	350	Không đạt	CTr. CL cao
76	2257010036	Cao Thanh	Hoài	579	22	45	811	20	43	707	21	48	453	Không đạt	CTr. CL cao
77	2157010240	Lê Thị Thu	Hoài	579	23	46	811	22	45	707	28	54	483	Không đạt	CTr. CL cao
78	2257010037	Lê Thị Kim	Hoàng	579	16	41	811	26	48	707	17	44	443	Không đạt	
79	2157010243	Nguyễn Phi	Hoàng	800	21	45	314	24	47	290	17	44	453	Không đạt	
80	2057010242	Trần Châu Mỹ	Hoàng	800	39	54	314	42	59	290	35	61	580	Đạt	
81	2167010022	Võ Anh	Hoàng												Vắng thi
82	2257010038	Võ Minh	Hoàng	800	37	53	314	28	50	290	33	59	540	Không đạt	CTr. CL cao
83	2157010248	Nguyễn Kim	Hồng	579	20	44	811	28	50	707	23	49	477	Không đạt	
84	1857010118	Đào Trung	Huy	579	38	54	811	32	52	707	30	56	540	Đạt	
85	2057010253	Đỗ Gia	Huy												Vắng thi
86	2157010256	Nguyễn Gia	Huy	800	32	50	314	49	66	290	33	59	583	Đạt	
87	2157010271	Nguyễn	Huỳnh	579	40	55	811	31	52	707	26	52	530	Không đạt	
88	2054132020	Nguyễn	Hưng												Vắng thi
89	2157013036	Nguyễn Hữu	Hưng	800	33	51	314	24	47	290	25	51	497	Không đạt	
90	2157010281	Lê Thị Cẩm	Hường												Vắng thi
91	2257010043	Nguyễn Thị Huyền	Hương	579	25	47	811	29	50	707	29	55	507	Không đạt	CTr. CL cao

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe			Đọc			Ngữ pháp			TỔNG ĐIỂM	NĂNG LỰC	Ghi chú
				Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm			
92	1957012115	Ngô Tuấn	Kiệt	800	38	54	314	36	55	290	30	56	550	Đạt	CTr. CL cao
93	2157010313	Nguyễn Anh	Kiệt	579	43	57	811	44	61	707	23	49	557	Đạt	CTr. CL cao
94	1851050073	Nguyễn Hữu Hoàng	Kiệt												Vắng thi
95	2357010140	Trần Minh	Kiệt	800	40	55	314	35	54	290	31	57	553	Đạt	CTr. CL cao
96	2157010314	Trịnh Gia	Kiệt	579	38	54	811	33	53	707	27	53	533	Không đạt	
97	2257012082	Nguyễn Thị Bạch	Kim	800	34	51	314	21	44	707	18	45	467	Không đạt	CTr. CL cao
98	2257010053	Dương Quốc	Kỳ	800	12	36	314	18	41	290	18	45	407	Không đạt	
99	1857010138	Đình Quang	Khải	800	35	52	314	39	57	290	23	49	527	Không đạt	
100	2057012058	Lâm Chánh	Khang	579	34	51	811	42	59	707	30	56	553	Đạt	CTr. CL cao
101	2257010047	Bùi Gia Nhất	Khanh	800	41	56	314	34	54	290	36	63	577	Đạt	
102	2157013040	Văn Hoàng	Khanh	579	31	50	811	25	48	707	26	52	500	Không đạt	
103	2157010297	Nguyễn Hữu Lam	Khánh	800	22	45	314	36	55	290	34	60	533	Không đạt	
104	2257010050	Đặng Đăng	Khoa												Vắng thi
105	2057012062	Ngô Hoàng Đăng	Khoa	579	40	55	811	24	47	707	25	51	510	Không đạt	
106	2354050055	Trần Đăng	Khoa	579	21	45	811	27	49	707	37	64	527	Không đạt	
107	2257012086	Đoàn Ngọc Phương	Lam	579	14	39	811	14	35	707	16	43	390	Không đạt	CTr. CL cao
108	2157013044	Ngô Thị Thạch	Lam	800	24	46	314	31	52	290	18	45	477	Không đạt	
109	2057012068	Võ Thị Tú	Lan	800	34	51	314	42	59	290	28	54	547	Không đạt	CTr. CL cao
110	2257010054	Nguyễn Đình	Lân	579	30	49	811	25	48	707	28	54	503	Không đạt	
111	2157013046	Phan Thị Mỹ	Liên	800	41	56	314	29	50	290	29	55	537	Không đạt	CTr. CL cao
112	2157010333	Bùi Nguyễn Phương	Linh	800	33	51	314	31	52	290	28	54	523	Không đạt	
113	2157013047	Bùi Thị Thùy	Linh	579	13	38	811	14	35	707	14	40	377	Không đạt	
114	2157013048	Hoàng Ánh	Linh	579	38	54	811	33	53	707	31	57	547	Không đạt	CTr. CL cao
115	1957010120	Lê Thị Thùy	Linh	800	30	49	314	31	52	290	29	55	520	Không đạt	CTr. CL cao

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe			Đọc			Ngữ pháp			TỔNG ĐIỂM	NĂNG LỰC	Ghi chú
				Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm			
116	2157013049	Lý Gia	Linh	800	15	40	314	29	50	290	19	46	453	Không đạt	
117	2157013050	Nguyễn Ánh Hoài	Linh	800	37	53	314	31	52	290	23	49	513	Không đạt	CTr. CL cao
118	2157010345	Nguyễn Hồng Ngọc	Linh	800	22	45	314	21	44	290	22	49	460	Không đạt	CTr. CL cao
119	2257012090	Nguyễn Huỳnh Nhật	Linh	800	34	51	314	27	49	290	32	58	527	Không đạt	CTr. CL cao
120	21H70B0006	Trần Thị Mỹ	Linh	579	33	51	811	24	47	707	22	49	490	Không đạt	
121	2257012092	Trần Thị Phương	Linh												Vắng thi
122	2257010056	Trương Thị Thùy	Linh	800	35	52	314	22	45	290	29	55	507	Không đạt	
123	2257012094	Võ Huỳnh Phương	Linh												Vắng thi
124	1957010132	Phan Vĩnh	Lợi	579	24	46	811	20	43	707	23	49	460	Không đạt	CTr. CL cao
125	2257012101	Nguyễn Ngọc Huỳnh	Lưu												Vắng thi
126	2157010365	Đình Nguyễn Mỹ	Ly												Vắng thi
127	2257012102	Đỗ Chu Khánh	Ly	800	31	50	314	22	45	290	34	60	517	Không đạt	CTr. CL cao
128	2257010059	Mai Hoàng Cẩm	Ly	579	35	52	811	38	56	707	15	42	500	Không đạt	
129	2157013055	Nguyễn Thị Thảo	Ly	579	31	50	811	31	52	707	23	49	503	Không đạt	CTr. CL cao
130	2157010367	Nguyễn Thị Trúc	Ly	579	25	47	811	21	44	707	17	44	450	Không đạt	CTr. CL cao
131	2057010395	Bùi Huỳnh Trúc	Mai	579	37	53	811	43	60	707	37	64	590	Đạt	CTr. CL cao
132	2257010060	Bùi Lê Quỳnh	Mai	800	24	46	314	22	45	290	31	57	493	Không đạt	CTr. CL cao
133	2057010396	Bùi Thị Ngọc	Mai	800	37	53	314	42	59	290	28	54	553	Đạt	CTr. CL cao
134	2157010371	Nguyễn Hồ Quỳnh	Mai												Vắng thi
135	2057010403	Nguyễn Thị Thanh	Mai	579	29	49	811	23	46	707	26	52	490	Không đạt	
136	2157010377	Võ Xuân	Mai	800	41	56	314	45	62	290	40	68	620	Đạt	
137	2157013058	Lư Triệu	Mẫn	800	33	51	314	24	47	290	21	48	487	Không đạt	CTr. CL cao
138	2157013059	Trương Huệ	Mẫn	579	22	45	811	16	38	707	27	53	453	Không đạt	CTr. CL cao
139	2057010414	Nguyễn Ngọc Thúy	Mi	579	34	51	811	34	54	707	30	56	537	Không đạt	CTr. CL cao

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe			Đọc			Ngữ pháp			TỔNG ĐIỂM	NĂNG LỰC	Ghi chú
				Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm			
140	1957010139	Đỗ Quế	Minh	800	27	48	314	30	51	290	24	50	497	Không đạt	CTr. CL cao
141	2057010420	Lê Hồng	Minh	800	17	42	314	11	29	290	17	44	383	Không đạt	CTr. CL cao
142	1957010144	Đoàn Thị Trà	My												Vắng thi
143	2057010442	Võ Nguyễn Thảo	My	579	11	33	811	16	38	707	13	39	367	Không đạt	CTr. CL cao
144	2157010404	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ	579	36	52	811	34	54	707	22	49	517	Không đạt	CTr. CL cao
145	2257012112	Vũ Hoàng	Mỹ	579	27	48	811	22	45	707	20	47	467	Không đạt	CTr. CL cao
146	2157010412	Kiều Thị Thanh	Nga	800	38	54	314	37	56	290	19	46	520	Không đạt	CTr. CL cao
147	1957012137	Nguyễn Thị	Ngà	579	31	50	811	29	50	707	22	49	497	Không đạt	CTr. CL cao
148	2057010462	Đinh Thị Khánh	Ngân	800	27	48	314	20	43	290	8	29	400	Không đạt	CTr. CL cao
149	2057012081	Lâm Thị Bích	Ngân	579	33	51	811	34	54	707	27	53	527	Không đạt	CTr. CL cao
150	1957012140	Lý Phan Kim	Ngân	579	39	54	811	40	58	707	36	63	583	Đạt	
151	2157010428	Mai Huỳnh Kim	Ngân	579	37	53	811	36	55	707	28	54	540	Không đạt	CTr. CL cao
152	2157010430	Mai Tuyết	Ngân	800	34	51	314	38	56	290	25	51	527	Không đạt	CTr. CL cao
153	2257012117	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	800	24	46	314	21	44	290	19	46	453	Không đạt	CTr. CL cao
154	2057010475	Nguyễn Thị Kim	Ngân	579	29	49	811	34	54	707	21	48	503	Không đạt	CTr. CL cao
155	2257012118	Nguyễn Thị Phương	Ngân	579	18	43	811	15	37	707	22	49	430	Không đạt	
156	2057010477	Nguyễn Thị Thùy	Ngân												Vắng thi
157	2257012119	Nguyễn Trần Thanh	Ngân	800	22	45	314	21	44	290	27	53	473	Không đạt	
158	2157013064	Phạm Võ Kim	Ngân	800	39	54	314	28	50	290	27	53	523	Không đạt	CTr. CL cao
159	1757010167	Phùng Nguyễn Phương	Ngân												Vắng thi
160	1957010169	Trần Tuyết	Ngân	579	20	44	811	30	51	707	30	56	503	Không đạt	
161	21H70B0007	Trần Thị Thảo	Ngân	800	33	51	314	42	59	290	31	57	557	Đạt	
162	1957012144	Trương Kim	Ngân	800	20	44	314	23	46	290	25	51	470	Không đạt	
163	2257010068	Huỳnh Mẫn	Nghi	800	27	48	314	25	48	290	33	59	517	Không đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe			Đọc			Ngữ pháp			TỔNG ĐIỂM	NĂNG LỰC	Ghi chú
				Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm			
164	2057010489	Lâm Gia	Nghi	579	32	50	811	16	38	707	22	49	457	Không đạt	CTr. CL cao
165	2257010069	Nguyễn Huỳnh Gia	Nghi	579	24	46	811	22	45	707	28	54	483	Không đạt	
166	2157010444	Nguyễn Lê Dung	Nghi	579	34	51	811	20	43	707	23	49	477	Không đạt	
167	2157013066	Phương Hồng	Nghi	579	24	46	811	30	51	707	24	50	490	Không đạt	
168	2057010493	Trần Kim	Nghi												Vắng thi
169	1957012146	Lâm Trọng	Nghĩa												Vắng thi
170	2257012127	Hà Châu Bảo	Ngọc	579	29	49	811	23	46	707	28	54	497	Không đạt	CTr. CL cao
171	2257012128	Hoàng Phương Bảo	Ngọc	800	34	51	314	28	50	290	33	59	533	Không đạt	CTr. CL cao
172	2157013068	Huỳnh Lê Như	Ngọc	579	37	53	811	39	57	707	33	59	563	Đạt	CTr. CL cao
173	2257012129	Huỳnh Thị Khánh	Ngọc	579	35	52	811	21	44	707	22	49	483	Không đạt	CTr. CL cao
174	2157010453	Lê Nguyễn Yến	Ngọc	800	35	52	314	14	35	290	20	47	447	Không đạt	
175	2057010503	Lê Thị Hồng	Ngọc	800	37	53	314	38	56	290	34	60	563	Đạt	
176	2257010072	Ngô Bảo	Ngọc	579	39	54	811	36	55	707	25	51	533	Không đạt	CTr. CL cao
177	2357010202	Nguyễn Dương Thu	Ngọc	800	24	46	314	28	50	290	32	58	513	Không đạt	
178	2057012087	Nguyễn Kim	Ngọc	800	18	43	314	24	47	290	19	46	453	Không đạt	CTr. CL cao
179	2157010458	Nguyễn Lê Yến	Ngọc												Vắng thi
180	2157010459	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc												Vắng thi
181	2157010460	Nguyễn Thị Uyên	Ngọc	800	28	48	314	15	37	290	20	47	440	Không đạt	
182	2157013071	Phan Trần Minh	Ngọc	800	25	47	314	43	60	290	24	50	523	Không đạt	
183	2257010075	Trần Thị Bích	Ngọc	800	30	49	314	31	52	290	26	52	510	Không đạt	
184	2257012131	Trương Hoàng Bảo	Ngọc	800	17	42	314	19	42	290	23	49	443	Không đạt	CTr. CL cao
185	2057010519	Đặng Thị	Nguyên	579	33	51	811	35	54	707	37	64	563	Đạt	
186	1957010188	Huỳnh Thị Kim	Nguyên	800	35	52	314	28	50	290	18	45	490	Không đạt	
187	2257010076	Nguyễn Trương Thanh	Nguyên	579	20	44	811	35	54	707	28	54	507	Không đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe			Đọc			Ngữ pháp			TỔNG ĐIỂM	NĂNG LỰC	Ghi chú
				Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm			
188	2257010077	Phạm Thị Phú	Nguyên	800	37	53	314	31	52	290	31	57	540	Đạt	
189	2157010483	Tân Nguyễn Thu	Nhàn	579	36	52	811	32	52	707	25	51	517	Không đạt	
190	2257012138	K'	Nhấn	579	27	48	811	29	50	707	38	65	543	Đạt	
191	2451010032	Đình Đức	Nhân	800	39	54	314	45	62	290	39	67	610	Đạt	CTr. CL cao
192	2157010489	Nguyễn Trọng	Nhân	800	21	45	314	21	44	290	26	52	470	Không đạt	
193	2057012091	Lê Thị Hoài	Nhi												Vắng thi
194	2257012140	Lê Yến	Nhi	579	13	38	811	17	40	707	24	50	427	Không đạt	CTr. CL cao
195	2257012141	Lý Ngọc	Nhi	800	17	42	314	23	46	290	17	44	440	Không đạt	CTr. CL cao
196	2157010945	Mang Diệu	Nhi	579	23	46	811	19	42	707	12	38	420	Không đạt	
197	2257010080	Nguyễn Ngọc Thảo	Nhi	800	19	44	314	17	40	290	25	51	450	Không đạt	CTr. CL cao
198	2257012145	Nguyễn Thị Xuân	Nhi	579	10	33	811	17	40	707	20	47	400	Không đạt	CTr. CL cao
199	2257010083	Trần Yến	Nhi												Vắng thi
200	2057012095	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	800	27	48	314	37	56	290	23	49	510	Không đạt	CTr. CL cao
201	2157010517	Phạm Thị	Nhung	800	23	46	314	13	33	290	18	45	413	Không đạt	CTr. CL cao
202	1957010209	Lai Thanh Phương	Như	800	29	49	314	21	44	290	21	48	470	Không đạt	CTr. CL cao
203	2257012150	Lê Nguyễn Quỳnh	Như	800	38	54	314	26	48	290	26	52	513	Không đạt	
204	2257012151	Lê Yến	Như	579	26	47	811	27	49	707	22	49	483	Không đạt	
205	2157010520	Mai Trần Phương	Như	579	18	43	811	21	44	707	24	50	457	Không đạt	CTr. CL cao
206	2057010590	Nguyễn Dương Ngọc	Như	800	17	42	314	10	29	290	11	36	357	Không đạt	
207	2257012153	Nguyễn Ngọc	Như	800	16	41	314	30	51	290	28	54	487	Không đạt	
208	2257010084	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	800	34	51	314	37	56	290	32	58	550	Đạt	
209	2357010233	Trần Lâm	Như	579	34	51	811	34	54	707	30	56	537	Không đạt	CTr. CL cao
210	2057010600	Trần Lâm Quỳnh	Như	579	34	51	811	31	52	707	17	44	490	Không đạt	CTr. CL cao
211	1957012172	Trịnh Phan Quỳnh	Như	800	37	53	314	38	56	290	31	57	553	Đạt	CTr. CL cao

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe			Đọc			Ngữ pháp			TỔNG ĐIỂM	NĂNG LỰC	Ghi chú
				Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm			
212	2157010531	Vũ Hoàng Quỳnh	Như	800	16	41	314	26	48	290	20	47	453	Không đạt	CTr. CL cao
213	2157010543	Nguyễn Đăng	Phúc	579	34	51	811	36	55	707	29	55	537	Không đạt	CTr. CL cao
214	2157010550	Vĩnh Bảo	Phúc												Vắng thi
215	2057010642	Nguyễn Hoàng Bích	Phượng	579	34	51	811	20	43	707	30	56	500	Không đạt	
216	2157010554	Bùi Nguyễn Uyên	Phượng	579	39	54	811	28	50	290	31	57	537	Không đạt	CTr. CL cao
217	21H70B0010	Đặng Hồng	Phượng	579	31	50	811	22	45	707	12	38	443	Không đạt	
218	2157010561	Nguyễn Hồ Thanh	Phượng	800	28	48	314	29	50	707	21	48	487	Không đạt	CTr. CL cao
219	2257010091	Nguyễn Hồng Loan	Phượng	579	25	47	811	23	46	707	28	54	490	Không đạt	
220	2257010092	Nguyễn Ngọc Uyên	Phượng	800	43	57	314	40	58	290	38	65	600	Đạt	
221	2057012108	Nguyễn Thái	Quân	579	31	50	811	26	48	707	23	49	490	Không đạt	CTr. CL cao
222	2257010093	Trần Mỹ	Quý	579	25	47	811	23	46	707	26	52	483	Không đạt	CTr. CL cao
223	1857010294	Trần Thị	Quỳnh	800	17	42	314	25	48	290	13	39	430	Không đạt	CTr. CL cao
224	2157010601	Huỳnh Nguyễn Phương	Quỳnh	579	22	45	811	15	37	707	16	43	417	Không đạt	CTr. CL cao
225	2057010679	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	800	34	51	314	41	58	290	35	61	567	Đạt	
226	1957012208	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	579	25	47	811	37	56	707	33	59	540	Không đạt	CTr. CL cao
227	2057010681	Nguyễn Thị Thanh	Quỳnh	579	38	54	811	39	57	707	17	44	517	Không đạt	
228	1854010357	Trần Phan Diễm	Quỳnh	579	22	45	811	24	47	707	10	34	420	Không đạt	CTr. CL cao
229	2157010611	Trần Thị Như	Quỳnh	579	35	52	811	19	42	707	29	55	497	Không đạt	
230	2157010617	Đỗ Cao	Tài				314	35	54					Không đạt	Vi phạm QC
231	2157013092	Tô Thanh	Tài	579	21	45	811	32	52	707	31	57	513	Không đạt	
232	2157010624	Nguyễn Ngọc Như	Tâm	579	34	51	811	40	58	707	33	59	560	Đạt	CTr. CL cao
233	2157013093	Phan Thị Mỹ	Tâm	800	31	50	314	38	56	290	37	64	567	Đạt	
234	1957012212	Vũ Minh	Tâm	800	45	59	314	47	64	290	30	56	597	Đạt	CTr. CL cao
235	2257012237	Võ Lê Anh	Tiến	800	32	50	314	35	54	290	27	53	523	Không đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe			Đọc			Ngữ pháp			TỔNG ĐIỂM	NĂNG LỰC	Ghi chú
				Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm			
236	2257010126	Võ Nguyễn Triệu	Tiên	800	12	36	314	14	35	290	10	34	350	Không đạt	
237	2157010744	Nguyễn Ngọc	Tiên	579	34	51	811	37	56	707	29	55	540	Đạt	
238	21H70B0013	Phan Thị Cẩm	Tiên	800	35	52	314	34	54	290	28	54	533	Không đạt	
239	2157010750	Võ Thị Thủy	Tiên												Vắng thi
240	2257010128	Lê Song	Toàn	579	26	47	811	33	53	707	35	61	537	Không đạt	CTr. CL cao
241	1957010300	Nguyễn Phạm Bá	Toàn												Vắng thi
242	2057010935	Nguyễn Thanh	Tú	579	39	54	811	24	47	707	24	50	503	Không đạt	CTr. CL cao
243	2257010138	Dương Gia	Tuấn	800	34	51	314	33	53	290	36	63	557	Đạt	
244	2257012262	Ngô Lê Công Anh	Tuấn	800	14	39	314	23	46	290	19	46	437	Không đạt	
245	2157013120	Nguyễn Anh	Tuấn	800	21	45	314	28	50	290	20	47	473	Không đạt	
246	2257012263	Nguyễn Anh	Tuấn												Vắng thi
247	2057010927	Nguyễn Lý Thanh	Tuyền	800	28	48	314	26	48	290	21	48	480	Không đạt	CTr. CL cao
248	2157010837	Nguyễn Phượng	Tuyền	800	21	45	314	31	52	290	31	57	513	Không đạt	
249	2157013095	Phan Quốc	Thái	800	40	55	314	35	54	290	28	54	543	Không đạt	CTr. CL cao
250	2157010635	Trần Quan	Thái	800	39	54	314	40	58	290	31	57	563	Đạt	CTr. CL cao
251	2257012188	Võ Văn	Thái												Vắng thi
252	2454032305	Nguyễn Trần Quốc	Thắng												Vắng thi
253	2157010627	Nguyễn Đặng Thái	Thanh	800	37	53	314	39	57	290	28	54	547	Đạt	
254	1957010250	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh	579	36	52	811	13	33	707	19	46	437	Không đạt	
255	1757010246	Patâuxá Thị	Thanh												Vắng thi
256	2157010632	Võ Thị Phương	Thanh	579	36	52	811	37	56	707	26	52	533	Không đạt	
257	2057012115	Vũ Ngọc Quế	Thanh	800	36	52	314	38	56	290	29	55	543	Không đạt	CTr. CL cao
258	2357010292	Nguyễn Tuấn	Thành	800	29	49	314	30	51	290	25	51	503	Không đạt	CTr. CL cao
259	2257010101	Lê Thị Ngọc	Thảo	579	16	41	811	15	37	707	21	48	420	Không đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe			Đọc			Ngữ pháp			TỔNG ĐIỂM	NĂNG LỰC	Ghi chú
				Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm			
260	2257012198	Nguyễn Ngọc Thanh	Thảo	800	21	45	314	23	46	290	28	54	483	Không đạt	
261	2057010726	Nguyễn Thanh	Thảo	800	22	45	314	23	46	290	28	54	483	Không đạt	
262	2257012200	Phạm Lâm Thanh	Thảo	800	31	50	314	20	43	290	28	54	490	Không đạt	CTr. CL cao
263	2157013099	Phan Thị Thanh	Thảo	579	34	51	811	22	45	707	20	47	477	Không đạt	
264	2157010656	Võ Thị Thanh	Thảo	800	32	50	314	34	54	290	33	59	543	Đạt	
265	2057010748	Lê Thị Hồng	Thêm	579	30	49	811	41	58	707	34	60	557	Đạt	
266	2157010662	Nguyễn Ngọc	Thi												Vắng thi
267	2257010103	Phạm Thị Anh	Thi	800	18	43	314	23	46	290	27	53	473	Không đạt	
268	1957012222	Lê Minh	Thông	579	31	50	811	29	50	707	25	51	503	Không đạt	CTr. CL cao
269	2257010107	Ngô Thị Thành	Thơ	579	34	51	811	39	57	707	25	51	530	Không đạt	
270	2157010673	Nguyễn Thị Nhã	Thơ	800	6	29	314	18	41	290	16	43	377	Không đạt	
271	2257012208	Phạm Thị Anh	Thơ	579	18	43	811	21	44	707	24	50	457	Không đạt	
272	1857010345	Trần Thị Minh	Thơ	579	19	44	811	27	49	707	22	49	473	Không đạt	CTr. CL cao
273	2057010761	Đinh Thị Mộng	Thu	800	38	54	314	14	35	290	32	58	490	Không đạt	
274	2057010764	Nguyễn Thị Xuân	Thu												Vắng thi
275	1957012223	Vũ Thị Chiêu	Thu	800	31	50	314	37	56	290	31	57	543	Đạt	
276	2057012123	Trần Minh	Thuận	800	42	56	314	34	54	290	29	55	550	Đạt	
277	1757010278	Vũ Thị	Thùy	800	23	46	314	33	53	290	35	61	533	Không đạt	
278	2257012231	Lê	Thùy	579	34	51	811	39	57	707	36	63	570	Đạt	
279	2257010122	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	800	18	43	314	15	37	290	18	45	417	Không đạt	CTr. CL cao
280	2057010768	Nguyễn Thị	Thuyền	800	38	54	314	33	53	290	27	53	533	Không đạt	
281	2157010694	Đỗ Thị Anh	Thư	579	36	52	811	31	52	707	24	50	513	Không đạt	
282	2257012212	Huỳnh Anh	Thư	800	26	47	314	30	51	290	33	59	523	Không đạt	
283	2157010698	Lê Nguyễn Huyền	Thư												Vắng thi

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe			Đọc			Ngữ pháp			TỔNG ĐIỂM	NĂNG LỰC	Ghi chú
				Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm			
284	2157010699	Lê Thị Anh	Thư	800	38	54	314	38	56	290	20	47	523	Không đạt	
285	2057010791	Nguyễn Anh	Thư	800	36	52	314	39	57	290	29	55	547	Không đạt	CTr. CL cao
286	2157010706	Nguyễn Anh	Thư	800	33	51	314	36	55	290	29	55	537	Không đạt	CTr. CL cao
287	2157013108	Nguyễn Thị Minh	Thư	579	42	56	811	33	53	707	39	67	587	Đạt	CTr. CL cao
288	2157013110	Nguyễn Thị Hoài	Thương	800	26	47	314	22	45	290	21	48	467	Không đạt	CTr. CL cao
289	2157010733	Huỳnh Ngọc Anh	Thy	579	36	52	811	20	43	707	20	47	473	Không đạt	CTr. CL cao
290	1957012240	Nguyễn Thị Mai	Thy												Vắng thi
291	2157010756	Đặng Huyền	Trang	800	16	41	811	22	45	707	26	52	460	Không đạt	
292	2357010357	Hoàng Thị Yến	Trang												Vắng thi
293	2157010760	Nguyễn Quỳnh	Trang	800	36	52	314	35	54	290	22	49	517	Không đạt	CTr. CL cao
294	2157010762	Nguyễn Thị Huyền	Trang	579	32	50	314	18	41	290	22	49	467	Không đạt	
295	1957012252	Nguyễn Thị Huyền	Trang												Vắng thi
296	2257010130	Võ Ngọc Hồng	Trang	800	8	31	314	18	41	290	17	44	387	Không đạt	CTr. CL cao
297	2057010864	Bùi Bảo	Trâm	579	35	52	811	25	48	707	14	40	467	Không đạt	CTr. CL cao
298	1757010301	Đinh Lê Thùy	Trâm	800	32	50	314	30	51	290	28	54	517	Không đạt	CTr. CL cao
299	2057010869	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	800	18	43	314	18	41	290	12	38	407	Không đạt	CTr. CL cao
300	1957012261	Lưu Huỳnh Bảo	Trân												Vắng thi
301	2157010785	Lý Huệ	Trân	579	27	48	811	20	43	707	19	46	457	Không đạt	CTr. CL cao
302	2157010786	Nguyễn Đặng Bảo	Trân	800	29	49	811	26	48	707	22	49	487	Không đạt	
303	1857010388	Nguyễn Tuyết	Trân												Vắng thi
304	2057010880	Phạm Ngọc Bảo	Trân	579	31	50	811	29	50	707	16	43	477	Không đạt	CTr. CL cao
305	2157010809	Trần Nguyễn Minh	Trí	579	32	50	314	26	48	290	28	54	507	Không đạt	
306	2067010050	Nguyễn Phúc Hải	Triều	579	39	54	811	15	37	707	13	39	433	Không đạt	
307	2257010132	Đặng Phương	Trinh	579	30	49	811	35	54	707	33	59	540	Đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe			Đọc			Ngữ pháp			TỔNG ĐIỂM	NĂNG LỰC	Ghi chú
				Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm			
308	2057010890	Hồ Thị Diễm	Trinh	579	21	45	811	26	48	707	27	53	487	Không đạt	
309	2257010134	Nguyễn Thị Thùy	Trinh	579	24	46	811	15	37	707	22	49	440	Không đạt	CTr. CL cao
310	2157013119	Hoàng Thanh	Trúc	800	37	53	314	34	54	290	38	65	573	Đạt	CTr. CL cao
311	1757010320	Trần Thị Thanh	Trúc	579	21	45	811	21	44	707	28	54	477	Không đạt	
312	2157013118	Phan Phụng	Trung	579	42	56	811	42	59	707	35	61	587	Đạt	CTr. CL cao
313	2257012256	Phan Thế	Trung	579	34	51	811	40	58	707	33	59	560	Đạt	
314	2157010820	Đặng Nguyễn Quang	Trường	800	37	53	811	28	50	707	14	40	477	Không đạt	
315	2157013121	Dương Thị Tuệ	Uyên	579	23	46	811	26	48	707	28	54	493	Không đạt	CTr. CL cao
316	2157010863	Phạm Phương	Uyên	579	13	38	811	18	41	707	9	32	370	Không đạt	
317	2257012272	Phan Thu	Uyên	800	17	42	314	18	41	290	28	54	457	Không đạt	
318	2157010864	Sử Phương	Uyên	800	41	56	314	38	56	290	33	59	570	Đạt	CTr. CL cao
319	2257012273	Trần Nguyễn Minh	Uyên	579	27	48	811	35	54	707	34	60	540	Đạt	
320	2157010867	Vũ Lê	Uyên	579	33	51	811	22	45	707	33	59	517	Không đạt	CTr. CL cao
321	2257010140	Bùi Ngọc Anh	Vân	800	31	50	314	28	50	290	25	51	503	Không đạt	CTr. CL cao
322	2157010870	Bùi Thị Cẩm	Vân	800	39	54	314	42	59	290	31	57	567	Đạt	
323	2157010876	Nguyễn Trúc	Vân	579	37	53	811	37	56	707	22	49	527	Không đạt	
324	2157013125	Phù Thanh	Vân	800	16	41	314	18	41	290	24	50	440	Không đạt	CTr. CL cao
325	2057010954	Trần Thị Thanh	Vân	800	35	52	314	31	52	290	24	50	513	Không đạt	CTr. CL cao
326	2157010878	Trần Thị Thùy	Vân	800	37	53	314	42	59	290	28	54	553	Đạt	
327	2157010881	Lê Thị Khánh	Vi	579	24	46	811	13	33	707	18	45	413	Không đạt	
328	2257010142	Lê Phương	Vĩ	579	25	47	811	32	52	707	29	55	513	Không đạt	
329	1857050144	Lưu Minh	Việt	800	41	56	314	42	59	290	33	59	580	Đạt	
330	2257012281	Nguyễn Trương Anh	Vũ	800	31	50	314	32	52	290	27	53	517	Không đạt	
331	2057010967	Bùi Phạm Anh	Vy	579	34	51	811	30	51	707	22	49	503	Không đạt	CTr. CL cao

STT	MSSV	Họ và tên	Nghe			Đọc			Ngữ pháp			TỔNG ĐIỂM	NĂNG LỰC	Ghi chú
			Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm			
332	2057010968	Bùi Thúy Vy	800	36	52	314	33	53	290	21	48	510	Không đạt	CTr. CL cao
333	2157013127	Dương Thị Thanh Vy	579	36	52	811	32	52	707	27	53	523	Không đạt	CTr. CL cao
334	2157010898	Lê Đỗ Ngân Vy	800	34	51	314	27	49	290	34	60	533	Không đạt	
335	2157010899	Lê Thị Thanh Vy	800	18	43	314	18	41	290	23	49	443	Không đạt	CTr. CL cao
336	2157010902	Nguyễn Lê Vy	579	24	46	811	27	49	707	29	55	500	Không đạt	CTr. CL cao
337	2157013128	Nguyễn Thúy Vy	800	35	52	314	30	51	290	27	53	520	Không đạt	CTr. CL cao
338	2157010910	Nguyễn Thụy Tường Vy	800	18	43	314	24	47	290	20	47	457	Không đạt	CTr. CL cao
339	2257010146	Phan Lê Hà Vy												Vắng thi
340	2157013129	Quách Thảo Vy	579	41	56	811	34	54	707	36	63	577	Đạt	CTr. CL cao
341	2157010919	Trần Khánh Vy	579	41	56	811	39	57	707	36	63	587	Đạt	CTr. CL cao
342	2157013133	Nguyễn Hải Yến	800	27	48	314	29	50	290	32	58	520	Không đạt	CTr. CL cao
343	2057011008	Trịnh Bảo Yến	579	20	44	811	18	41	707	14	40	417	Không đạt	CTr. CL cao
344	2157010938	Vũ Thị Hồng Yến	800	22	45	314	17	40	290	28	54	463	Không đạt	CTr. CL cao

Số sinh viên dự thi : 298

Số sinh viên vắng thi : 46

Số sinh viên đạt chuẩn năng lực : 62

Ngày 19 tháng 3 năm 2025

CÁN BỘ TỔNG HỢP ĐIỂM

(Ký tên và ghi rõ họ và tên)

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký tên và ghi rõ họ và tên)

Lê Thị Vũ Anh

Nguyễn Thanh Hải